



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN
LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**
(Tài liệu tham khảo)

Hà Nội, tháng 12/2025

I. LỜI NÓI ĐẦU

1. Mục đích biên soạn

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo ra hành lang pháp lý toàn diện, tiến bộ, với nhiều cơ chế, chính sách đột phá nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sổ tay hướng dẫn này được biên soạn để hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, và cá nhân có liên quan trong việc tiếp cận và áp dụng thống nhất các quy định mới tại Luật.

Mục tiêu cốt lõi của Sổ tay là cung cấp góc nhìn tổng quan, hệ thống hóa và giải thích các nội dung chính của khung pháp lý mới. Sổ tay không thay thế văn bản quy phạm pháp luật gốc mà đóng vai trò là một công cụ tham khảo, giúp người đọc dễ dàng tra cứu, nắm bắt các quy định cốt lõi, hiểu rõ trách nhiệm của các bên liên quan, từ đó đảm bảo việc nghiên cứu, tìm hiểu và áp dụng Luật được đầy đủ, chính xác và hiệu quả.

2. Phạm vi áp dụng

Sổ tay này được sử dụng như tài liệu tham khảo để hỗ trợ cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các quy định của Luật; đồng thời phục vụ cho hoạt động phổ biến, tuyên truyền và hướng dẫn thực thi pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc nhiệm vụ chuyên môn có liên quan.

3. Cách sử dụng tài liệu

Sổ tay được cấu trúc một cách logic theo các nhóm vấn đề chính được quy định trong Luật. Mỗi nhóm vấn đề chính trong Sổ tay được trình bày theo hai mục chính:

- Nội dung chính: Tóm lược và hệ thống hóa các quy định pháp luật cốt lõi, các nguyên tắc và cơ chế, chính sách quan trọng.

- Tổ chức thực hiện: Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng nhóm đối tượng, từ các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương đến các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động.

Để có được thông tin chi tiết và chính xác nhất, người đọc được khuyến nghị sử dụng Sổ tay này như một tài liệu định hướng và tham chiếu trực tiếp đến các điều, khoản, mục cụ thể của văn bản luật và các văn bản hướng dẫn chi tiết.

II. CÁC THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA QUAN TRỌNG

1. *Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Công nghệ* là tập hợp các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bao gồm cả bí quyết, được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

3. *Đổi mới sáng tạo* là hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

4. *Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* bao gồm:

- a) Nghiên cứu cơ bản.
- b) Nghiên cứu ứng dụng.
- c) Phát triển công nghệ; phát triển giải pháp xã hội.
- d) Sản xuất thử nghiệm.
- đ) Ứng dụng, chuyển giao công nghệ.
- e) Đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ.
- g) Khởi nghiệp sáng tạo.
- h) Cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- i) Hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác.

5. *Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hình thức tổ chức công việc để giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. *Hệ thống đổi mới sáng tạo* là tổng thể các chủ thể và mối liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, tổ chức trung gian, cơ quan nhà nước, cộng đồng và hệ thống thiết chế để thúc đẩy việc tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chất lượng cuộc sống.

III. CÁC NỘI DUNG CHÍNH

1. Áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc áp dụng thống nhất Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là yêu cầu tiên quyết để xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia năng động và hiệu quả. Luật đóng vai trò là khung pháp lý nền tảng, định hướng cho mọi hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó tạo ra động lực cốt lõi cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước.

1.1 Nội dung chính

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng chung cho mọi hoạt động trong lĩnh vực này. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của Luật này và các luật khác về cùng một vấn đề, các nguyên tắc áp dụng chuyên ngành và ưu tiên sẽ được thực thi để đảm bảo tính nhất quán và phù hợp của hệ thống pháp luật. Cụ thể: Trường hợp Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có quy định khác với luật, nghị quyết khác của Quốc hội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội có quy định cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi hoặc thuận lợi hơn thì Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách đó.

1.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với bộ, ngành, địa phương

Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm ban hành các quy định chi tiết và văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Đồng thời, các cơ quan này phải tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật và giám sát việc tuân thủ Luật để đảm bảo tính hiệu lực và thống nhất trên toàn quốc theo phạm vi được giao quản lý.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân liên quan

Mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Quy định về chấp nhận rủi ro tại Điều 9 của Luật là một chính sách mang ý nghĩa chiến lược, giải quyết trực tiếp một trong những nút thắt lớn nhất trong cơ chế tài trợ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Với cơ chế quản lý tài chính trước đây thường dẫn đến tâm lý e ngại rủi ro, kìm hãm các nghiên cứu có tính đột phá cao. Bằng cách thừa nhận tính khách quan của rủi ro và thất bại trong nghiên cứu, phù hợp với thông lệ quốc tế, chính sách

này phá bỏ rào cản tâm lý, khuyến khích các nhà khoa học mạnh dạn theo đuổi những ý tưởng mới, táo bạo, có tiềm năng tạo ra các thành tựu vượt trội.

2.1 Nội dung chính

a) Luật quy định rõ các loại rủi ro được chấp nhận trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

- Rủi ro trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Rủi ro trong thử nghiệm có kiểm soát.

- Rủi ro trong đầu tư mạo hiểm.

- Rủi ro khác theo quy định của Chính phủ.

b) Các nhà khoa học và tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có thể được xem xét miễn trách nhiệm dân sự và loại trừ trách nhiệm hành chính đối với thiệt hại gây ra cho nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật, không sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí.

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí hợp pháp khác không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra.

2.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để tổ chức triển khai thực hiện các quy định về chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xem xét, xây dựng và ban hành các quy định cụ thể để xác định, đánh giá và xử lý các trường hợp rủi ro trong trường hợp cần thiết.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân liên quan

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định nêu trên để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi gặp rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong quá trình triển khai, phải thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh với cơ quan quản lý khi phát sinh rủi ro ngoài dự kiến.

3. Chiến lược phát triển và kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc xây dựng chiến lược và kế hoạch quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng, giúp định hướng và tập trung nguồn lực của toàn xã hội vào các mục tiêu ưu tiên, các lĩnh vực trọng điểm. Điều này không chỉ tạo ra sự đồng bộ trong chính sách giữa các ngành, các cấp mà còn đảm bảo đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của quốc gia.

3.1 Nội dung chính

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trung ương xây dựng, ban hành kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý.

3.2 Tổ chức thực hiện

Căn cứ Điều 15 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu đề tổ chức triển khai thực hiện các quy định về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là công cụ chính sách cốt lõi để nhà nước hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. Việc xác định, tổ chức và quản lý hiệu quả các nhiệm vụ này là yếu tố then chốt để đảm bảo nguồn lực công được sử dụng đúng mục đích, minh bạch, tạo ra các kết quả thiết thực và có khả năng ứng dụng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

4.1 Nội dung chính

a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm:

- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức, doanh nghiệp đề xuất theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của nhà nước để được xem xét tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí.

- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo đặt hàng của nhà nước do nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

- Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động xây dựng, thực hiện.

b) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do nhà nước đặt hàng được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp theo từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ.

4.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để ban hành các văn bản cần thiết theo thẩm quyền quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các quy định về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi đề nghị xét tài trợ, đặt hàng và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia là tập hợp các nhiệm vụ, dự án, hoạt động liên kết với nhau một cách hữu cơ nhằm giải quyết các mục tiêu lớn, có tác động sâu rộng đến kinh tế - xã hội trong một thời gian nhất định. Khác với "nhiệm vụ" tập trung vào một vấn đề cụ thể, "chương trình" có quy mô lớn hơn, mục tiêu bao trùm hơn và đòi hỏi sự phối hợp của nhiều cơ quan, tổ chức để tạo ra một sức mạnh tổng hợp.

5.1 Nội dung chính

a) Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia là tập hợp các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có mục tiêu chung để giải

quyết các vấn đề có tính liên ngành, liên vùng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trung hạn hoặc dài hạn.

b) Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia:

- Phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong từng giai đoạn cụ thể.

- Tập trung, trọng điểm, không trùng lặp giữa các chương trình.

- Dự kiến được tổng mức kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện.

5.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 17 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ:

- Các bộ, ngành xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế, năng lực, điều kiện nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực để phê duyệt, triển khai các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước của mình. Ban hành các văn bản cần thiết về xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình trong trường hợp cần thiết.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi đăng ký, tham gia các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do các bộ, ngành, địa phương ban hành.

6. Nhiệm vụ và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt

Các nhiệm vụ và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt được thiết lập để giải quyết những vấn đề có tầm quan trọng chiến lược, cấp

bách, ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, an toàn xã hội hoặc các mục tiêu ưu tiên hàng đầu của đất nước mà không thể thực hiện theo quy trình thông thường. Cơ chế quản lý các nhiệm vụ, chương trình này được thiết kế đặc thù để phù hợp với các yêu cầu cụ thể.

6.1 Nội dung chính

a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt là nhiệm vụ, chương trình có quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhằm thực hiện một trong các mục tiêu sau:

- Phục vụ phát triển công nghệ chiến lược.
- Phục vụ nghiên cứu chiến lược, chính sách mang lại giá trị to lớn trong khoa học lý luận chính trị, xã hội và nhân văn.
- Phục vụ dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia.
- Tạo tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước.
- Phục vụ quốc phòng, an ninh.

b) Chính phủ quy định cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt.

6.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành

Căn cứ quy định tại Điều 18 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành nghiên cứu đề xuất và triển khai theo thẩm quyền các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Trong trường hợp cần thiết, các bộ, ngành quyết định việc tuyên Tổng công trình sư để tổ chức triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt.

7. Đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một công cụ quản lý chiến lược, không chỉ nhằm đo lường kết quả đầu ra mà còn là cơ sở quan trọng để hoạch định và điều chỉnh chính sách, phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, nâng cao trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước. Một hệ thống đánh giá khách quan, minh bạch và dựa trên bằng chứng là nền tảng để nâng cao hiệu quả tổng thể của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

7.1 Nội dung chính

a) Nội dung đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của việc thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đánh giá hiệu quả, tác động triển khai chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Các nội dung đánh giá chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước:

- Mức độ hoàn thành mục tiêu, kết quả đã được phê duyệt hoặc được cam kết trong hợp đồng.

- Tiến độ thực hiện so với kế hoạch.

- Hiệu quả đầu ra của chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội.

c) Cơ sở đánh giá:

- Bộ tiêu chí thống kê, đo lường, đánh giá.

- Dữ liệu thống kê, báo cáo, tổng hợp.

- Tiêu chí riêng đối với chương trình, nhiệm vụ.

d) Kết quả đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là căn cứ để điều chỉnh kế hoạch, nội dung, phương án phân bổ và bố trí ngân sách nhà nước; điều chỉnh số lượng người làm việc, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; điều chỉnh chính sách ưu đãi về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương triển khai việc đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, ban hành kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ban hành và cập nhật các bộ tiêu chí đánh giá.

- Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổng thể đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời cho các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá; phối hợp chặt chẽ trong quá trình đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động của mình.

8. Thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) là một công cụ chính sách tiên tiến, được quy định tại Điều 21 của Luật, nhằm tạo ra một không gian pháp lý an toàn và linh hoạt. Trong khuôn khổ cơ chế này, các tổ chức có thể đề xuất thử nghiệm các công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trong một môi trường được kiểm soát chặt chẽ về phạm vi, không gian và thời gian. Điều này vừa giúp nhà nước quản lý được rủi ro từ các công nghệ mới nổi, vừa khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đổi mới sáng tạo mà không bị cản trở bởi các quy định pháp luật hiện hành chưa theo kịp.

8.1 Nội dung chính

a) Thử nghiệm có kiểm soát là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, doanh nghiệp triển khai thử nghiệm đối với công nghệ, quy trình,

giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành, trong điều kiện thực tế có giới hạn về phạm vi, thời gian, không gian.

b) Nguyên tắc cho phép thử nghiệm có kiểm soát

- Công khai, minh bạch về tiêu chí, điều kiện, quy trình đánh giá lựa chọn.
- Bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong việc đề xuất, đăng ký và thực hiện quyền, trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát.
- Đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, bảo vệ quyền lợi người tham gia thử nghiệm.
- Lựa chọn phạm vi, thời gian, không gian để hạn chế nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội.

c) Nội dung thử nghiệm có kiểm soát

- Mục tiêu của thử nghiệm có kiểm soát.
- Đối tượng tham gia thử nghiệm có kiểm soát.
- Điều kiện, tiêu chí đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới thử nghiệm có kiểm soát.
- Cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có kiểm soát.
- Nguyên tắc xét duyệt tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có kiểm soát.
- Trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, gia hạn, tạm dừng, kết thúc thử nghiệm có kiểm soát.
- Thời gian, không gian, phạm vi thử nghiệm có kiểm soát.
- Việc kiểm soát quá trình thử nghiệm có kiểm soát bao gồm: cơ chế giám sát, yêu cầu báo cáo định kỳ, cơ chế ghi nhận phản hồi từ người tham gia thử nghiệm có kiểm soát và phương pháp đánh giá kết quả thử nghiệm có kiểm soát.
- Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát.
- Biện pháp bảo vệ quyền lợi người tham gia thử nghiệm có kiểm soát.
- Yêu cầu, hướng dẫn khác cần tuân thủ trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát.

d) Căn cứ vào yêu cầu quản lý thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, Chính phủ được ban hành văn bản quy định chi tiết nội dung thử nghiệm và các nội dung cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp

lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại phiên họp, kỳ họp gần nhất.

8.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 21, 22, 23 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới theo phạm vi quản lý nhà nước của mình.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

9. Xử lý tài sản trang bị, quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc xây dựng một cơ chế minh bạch và hiệu quả về xử lý tài sản và thương mại hóa kết quả nghiên cứu là khâu then chốt để chuyển hóa tri thức khoa học thành giá trị kinh tế. Đây là cầu nối quan trọng đưa các phát minh, sáng chế, kết quả nghiên cứu từ phòng thí nghiệm ra thị trường, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và đóng góp thiết thực vào tăng trưởng kinh tế - xã hội.

9.1 Nội dung chính

a) Về xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đối với tài sản trang bị từ nguồn ngân sách nhà nước, nhà nước giao tự động quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu tài sản trang bị cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ ngay sau khi trang bị tài sản.

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện quản lý, theo dõi riêng tài sản trang bị theo quy định của pháp luật tương ứng với loại hình hoạt động của tổ chức ngay khi hình thành tài sản.

- Việc xử lý tài sản trang bị từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo thỏa thuận của các bên đóng góp nguồn kinh phí khi thực hiện nhiệm vụ

b) Về quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức, cá nhân đóng góp tài sản, tài chính để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tương ứng với tỷ lệ đóng góp theo thỏa thuận.

- Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được nhà nước tự động giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu phần kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương ứng với kinh phí từ ngân sách nhà nước trừ một số trường hợp theo quy định.

- Đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước có kết quả là tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng hoặc gắn liền với tài sản thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu tài sản tương ứng với phần ngân sách nhà nước gắn liền với đất hoặc gắn liền với tài sản của tổ chức, cá nhân cho tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản một cách tự động.

- Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo dõi riêng kết quả, không phải hạch toán chung vào tài sản, giá trị tài sản và vốn nhà nước tại tổ chức; không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản; được tự quyết định tiếp tục đầu tư nghiên cứu, phát triển, triển khai ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định.

- Nhà nước thu hồi kết quả hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước trong một số trường hợp theo quy định.

c) Về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tự quyết định việc thương mại hóa kết quả.

- Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được tự chủ, tự quyết định lựa chọn hình thức, phương án, giá, phân chia lợi nhuận thu được trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Trường hợp kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng một phần ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu phần tương ứng với kinh phí sử dụng

ngân sách nhà nước được tự chủ, tự quyết định trong việc thỏa thuận thống nhất với các chủ sở hữu khác để thực hiện tổ chức thương mại hóa theo quy định.

- Tổ chức trung gian, môi giới được hưởng một phần lợi nhuận thu được từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đối với phần lợi nhuận thu được tương ứng với phần kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình thương mại hóa, tổ chức chủ trì nhiệm vụ sử dụng lợi nhuận sau thuế cho các mục đích sau đây:

+ Thưởng cho tác giả kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tối thiểu 30% lợi nhuận thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, tự khai thác, sử dụng kết quả; tối thiểu 30% giá trị của kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định khi góp vốn, hợp tác, liên doanh, liên kết, kinh doanh dịch vụ hoặc thành lập doanh nghiệp.

+ Thưởng cho cá nhân có đóng góp trực tiếp vào hoạt động tổ chức thương mại hóa.

+ Tái đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Mục đích khác.

9.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 24, 25, 27, 28 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để triển khai các quy định về xử lý tài sản trang bị, quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi thực hiện các quy định về xử lý tài sản trang bị, quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan.

10. Cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ

Việc giải mã, tiếp thu và làm chủ các công nghệ lõi, công nghệ nguồn từ các nước tiên tiến là con đường tắt giúp Việt Nam nhanh chóng nâng cao trình độ công nghệ quốc gia. Do tính chất phức tạp, nhạy cảm và yêu cầu bảo mật cao của

các nhiệm vụ này, pháp luật đã quy định một cơ chế đặc biệt, linh hoạt để các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các doanh nghiệp áp dụng, triển khai.

10.1 Nội dung chính

a) Luật cho phép áp dụng các cơ chế đặc biệt đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho mục tiêu giải mã công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược, mua bí quyết công nghệ, bao gồm:

- Sử dụng kinh phí cấp cho nhiệm vụ để chỉ định việc thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận.

- Sử dụng kinh phí cấp cho nhiệm vụ để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc giải mã với giá thỏa thuận; mua trực tiếp bí quyết công nghệ với giá thỏa thuận.

- Sản phẩm, thiết bị sau khi giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính trong giá trị tài sản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Cơ chế đặc biệt khác.

b) Các cơ chế đặc biệt khi doanh nghiệp được sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ hoặc chi trực tiếp ngoài quỹ phát triển khoa học và công nghệ để giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ đối với dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược là:

- Chỉ định việc thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận.

- Được thực hiện chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá để thực hiện các việc sau: mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài nhằm giải mã công nghệ, phát triển công nghệ chiến lược; mua trực tiếp bí quyết công nghệ.

- Triển khai nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài để tiếp cận, làm chủ công nghệ.

- Mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; sáp nhập doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ.

- Chi phí cần thiết khác phục vụ nghiên cứu, tiếp cận, mua bí quyết công nghệ, giải mã công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

10.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 31 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành,

địa phương nghiên cứu để triển khai các quy định về cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi triển khai các quy định về cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ.

11. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và nền kinh tế

Doanh nghiệp được xác định là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, là nơi ứng dụng, thương mại hóa và lan tỏa công nghệ. Do đó, việc xây dựng và triển khai các chính sách mạnh mẽ nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

11.1 Nội dung chính

a) Về thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm

Luật quy định nhà nước thúc đẩy phát triển toàn diện hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Nhà nước khuyến khích và thúc đẩy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo thông qua biện pháp:

- Tài trợ nhiệm vụ triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.
- Tài trợ nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.
- Tài trợ nhiệm vụ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và làm chủ công nghệ, đặc biệt là công nghệ có nguồn gốc từ nước ngoài.
- Có chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai, đầu thầu và tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Phát triển mô hình đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b) Về khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

Luật quy định chi phí của doanh nghiệp tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế của hoạt động này theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ chiến lược

Nhà nước hỗ trợ, đầu tư, hợp tác và giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp Việt Nam để phát triển công nghệ chiến lược thông qua:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ chuyên biệt để thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung.
- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung.
- Đầu tư thực hiện dự án phát triển công nghệ chiến lược.
- Tài trợ, đặt hàng doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghệ chiến lược.

d) Về quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương

Luật quy định Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia được thành lập để đầu tư, cùng đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư vào quỹ khác cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện về nguồn lực, nhu cầu thực tiễn, quyết định việc thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương để đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo địa phương.

11.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định từ Điều 34 đến Điều 41 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để triển khai các quy định về thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và nền kinh tế.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi triển khai các quy định về thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và nền kinh tế.

12. Về tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sự đa dạng về loại hình các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, từ các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, đến các bệnh viện, doanh nghiệp và các tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài, đòi hỏi phải có một khung pháp lý rõ ràng. Việc quy định cụ thể về các tổ chức này khi tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cần thiết để đảm bảo đúng pháp luật, hiệu quả và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

12.1 Nội dung chính

a) Về tổ chức khoa học và công nghệ

Luật quy định điều kiện thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, gồm:

- Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật.

- Có nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động.

- Đối với tổ chức có vốn nước ngoài, có mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quốc phòng, an ninh, yêu cầu phát triển của Việt Nam và được cho phép đặt trụ sở làm việc tại Việt Nam.

Các tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ sau khi tiến hành đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Về tổ chức khoa học và công nghệ công lập

- Là tổ chức khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý.

- Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ kinh phí hoạt động, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết.

- Được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; được cử viên chức sang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ khác.

c) Về trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Luật quy định trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được xác định dựa trên tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực, năng lực thực hiện, mục tiêu, kết quả hoạt động. Các loại hình tổ chức có hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng tiêu chí có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận để làm căn cứ áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

12.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định từ Điều 42 đến Điều 48 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để triển khai các quy định về các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi triển khai các quy định về các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

13. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các Tổng công trình sư, nhân tài, nhà khoa học xuất sắc, chuyên gia, ... trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là yếu tố quyết định đến sức mạnh và năng lực cạnh tranh của hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Do đó, việc xây dựng và thực thi các chính sách đột phá nhằm thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài là một trong những ưu tiên hàng đầu của nhà nước.

13.1 Nội dung chính

a) Tổng công trình sư về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Luật quy định trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc giao tổng công trình sư là người có uy tín, kinh nghiệm, năng lực vượt trội để chủ trì thực hiện các chương trình, nhiệm vụ như: Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; Chương trình khoa học và công nghệ phát triển công nghệ chiến lược và các Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác có quy mô lớn, ý nghĩa đặc biệt, có tính liên ngành, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Chính phủ.

Một số ưu đãi đặc biệt đối với Tổng công trình sư:

- Huởng lương, phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận; được ngân sách nhà nước bảo đảm để bố trí nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật về nhà ở; được bố trí phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm an sinh xã hội cho tổng công trình sư và gia đình.

- Được đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ; được chủ động lựa chọn, điều động, sử dụng nhân lực trong phạm vi chương trình, nhiệm vụ; thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài và chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận.

- Chủ động quyết định sử dụng kinh phí, nguồn lực được giao, bao gồm cả kinh phí để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc giải mã với giá thỏa thuận, mua trực tiếp bí quyết công nghệ với giá thỏa thuận.

- Được tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí khảo sát, trao đổi khoa học với nhà khoa học nước ngoài để cập nhật công nghệ mới.

b) Về thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bên cạnh việc quy định các tiêu chí xác định nhân tài, Luật còn quy định các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như:

- Ưu tiên giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là nhiệm vụ phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược cho tổ chức, doanh nghiệp thu hút được nhân tài tham gia thực hiện.

- Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhân tài thông qua ưu đãi tài chính, ưu đãi phi tài chính, ưu đãi về điều kiện làm việc, bố trí nhà ở. Nhà nước tạo cơ hội phát triển sự nghiệp lâu dài, thu hút nhân tài từ nước ngoài; bảo đảm an sinh xã hội cho nhân tài và gia đình.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết hợp với xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

13.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định từ Điều 49 đến Điều 58 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để triển khai các quy định về phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi triển khai các quy định về phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn chi tiết.

14. Tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Một cơ chế tài chính đa dạng, linh hoạt và đủ mạnh là huyết mạch của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chính sách tài chính mới không chỉ tập trung vào đầu tư từ ngân sách nhà nước mà còn đặc biệt nhấn mạnh việc huy động các nguồn lực từ xã hội, đặc biệt là khu vực tư nhân, thông qua các công cụ tài chính hiện đại như quỹ, chính sách thuế.

14.1 Nội dung chính

a) Về ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước trong nguồn tổng chi tối thiểu 3% ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

b) Về nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Chi đầu tư phát triển hạ tầng.
- Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Chi cho hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ.
- Chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức.
- Chi thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao.
- Chi hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Chi thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút, sử dụng, đãi ngộ cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ đầu tư mạo hiểm; chi quản lý và hoạt động theo chức năng của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Chỉ cho hoạt động hợp tác quốc tế.

- Nội dung chi khác.

c) Về nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; gắn với kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, chương trình có quy mô lớn, tạo hiệu ứng lan tỏa, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ mới nổi.

- Phân bổ ngân sách nhà nước trên cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trong các giai đoạn trước và khả năng đóng góp thực tế vào mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Công khai, minh bạch.

d) Về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Luật quy định Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia không phải là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hàng năm từ ngân sách và các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp khác.

đ) Về quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Luật quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy theo tình hình thực tế thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kinh phí của quỹ được cấp hàng năm từ ngân sách.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị hiện có trong hệ thống tổ chức của mình để thực hiện nhiệm vụ điều hành quỹ.

e) Về quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp

Luật quy định doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được phép trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. Các hoạt động của quỹ gồm:

- Trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ.
- Tổ chức nghiên cứu, thuê nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư.
- Thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định.
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định.

14.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định từ Điều 61 đến Điều 67 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nội dung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu để triển khai các quy định về tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi triển khai các quy định về tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

15. Hiệu lực thi hành

Việc xác định rõ ràng thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật là yếu tố cơ bản để đảm bảo tính pháp lý, tạo cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thời gian chuẩn bị và tuân thủ các quy định mới tại Luật một cách đồng bộ, chính xác.

15.1 Nội dung chính

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 trừ các Điều 15, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

15.2 Tổ chức thực hiện

Các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ quy định về hiệu lực thi hành của Luật để nghiên cứu, hướng dẫn và chủ động triển

khai các hoạt động đảm bảo phù hợp, thống nhất, đúng quy định về hiệu lực thi hành của luật.

16. Quy định chuyển tiếp

Các quy định chuyển tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh khi một hệ thống luật mới thay thế hệ thống luật cũ. Quy định này đảm bảo sự liên tục, không gây gián đoạn hay xáo trộn đối với các hoạt động đang diễn ra, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đã được xác lập theo quy định cũ.

16.1 Nội dung chính

Luật quy định về nội dung chuyển tiếp đối với các trường hợp gồm:

- Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01/10/2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gửi tới Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia trước ngày 01/10/2025.

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01/10/2025.

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01/10/2025 mà chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Quy định chuyển tiếp về hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

- Đối với hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã được gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày 01/10/2025.

- Quy định về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam.

16.2 Tổ chức thực hiện

a) Đối với các bộ, ngành, địa phương

Căn cứ quy định tại Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu đề hướng dẫn, triển khai các quy định về chuyển tiếp trong quá trình thực thi, đảm bảo quá trình chuyển tiếp diễn ra thuận lợi, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân

Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo các quy định để được đảm bảo quyền và nghĩa vụ khi thực hiện các nội dung chuyển tiếp. Chủ động rà soát tình trạng pháp lý và liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục chuyển đổi, cập nhật cần thiết theo quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật và duy trì quyền lợi (nếu có).

III. DANH SÁCH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH

Danh sách các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

- Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Nghị định số 264/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương.

- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo./.
